

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **49/2018/HNGĐ**.

Ngày: 27-9-2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt.

2. Ông Lê Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án TAND huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị TE, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018 nguyên đơn bà Trần Thị TE (sau đây gọi tắt là bà TE) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà TE với ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Bà TE yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà TE và ông K có một người con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 14/4/2008, giới tính nam, hiện đang sống với ông K. Bà TE yêu cầu con có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Lê Văn K (sau đây gọi tắt là ông K) trình bày:

- Về hôn nhân: Ông K thống nhất theo lời trình bày của bà TE và đồng ý ly hôn với bà TE.

- Về con chung: Có một người con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 14/4/2008, giới tính nam. Ông K yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu bà TE cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh của Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà TE và ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, chung sống trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Tại phiên tòa bà TE yêu cầu ly hôn với ông K, ông K cũng đồng ý ly hôn, nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận là vợ chồng giữa bà TE với ông K.

[2] Về con chung: Bà TE và ông K chung sống với nhau có một người con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 14/4/ 2008, giới tính nam. Hiện nay bé T chung đang sống với ông K. Bà TE và ông K đều yêu cầu theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 20/7/2018 bé T có nguyện vọng được sống với cha ruột là ông K, không yêu cầu bà TE cấp dưỡng, nguyện vọng của bé T cũng phù hợp với yêu cầu của ông K và bà TE. HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao bé T cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, bà TE không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà TE và ông K đều xác định không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà TE phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004273, ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 9; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị TE với ông Lê Văn K

2. Về con chung: Xử giao con chung tên Lê Văn T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2008, giới tính nam cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, bà TE không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị TE có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị TE phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004273, ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng. Bà TE đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT;
- Lưu.

Phan Văn Tịnh